

NGHIÊN CỨU QUAN HỆ TƯƠNG THÍCH CỦA PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ

THE STUDY ON THE COMPATIBLE RELATIONS BETWEEN THE DEVELOPMENT OF EDUCATION AND TRAINING AND THE ECONOMIC DEVELOPMENT

Trần Đức Hiền

Trường Đại học Quảng Bình

Email: duchien1962@yahoo.com

TÓM TẮT

Hiện nay trong điều kiện phát triển của khoa học và công nghệ nhiều quốc gia đã nhận thức được vai trò của phát triển giáo dục và đào tạo để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Tri thức và nguồn nhân lực nói chung được xác định có ý nghĩa quyết định cho phát triển bền vững. Để đánh giá hiệu quả của giáo dục và đào tạo cần xác định mối quan hệ tương thích giữa phát triển giáo dục, đào tạo với phát triển kinh tế. Mối quan hệ này được thể hiện thông qua các chỉ số phát triển giáo dục (EI), chỉ số phát triển con người (HDI) và chỉ số tăng trưởng kinh tế (GDP). Ở nước ta giáo dục, đào tạo được quan tâm và đạt nhiều kết quả. Tuy vậy so với yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội thì hiệu quả hoạt động giáo dục chưa cao. Nghiên cứu thực trạng đóng góp của giáo dục và đào tạo cho phát triển kinh tế - xã hội có ý nghĩa thiết thực và làm cơ sở cho hoạch định các chính sách vĩ mô phù hợp, khai thác tốt các nguồn lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước.

Từ khóa: giáo dục hiệu quả; giáo dục và kinh tế; phát triển.

ABSTRACT

Nowadays, with the development of science and technology, many countries have recognized the role of education and training development in implementing socio-economic strategies. Knowledge and human resources are generally considered to be decisively important for the stable development. To have an accurate assessment of the quality of education and training, it is necessary to determine the compatible relationship between education and training development and economic one. This relationship is shown through educational development index (EI), human development index (HDI) and gross domestic product (GDP). Education and training in our country has been taken into account and has achieved a lot of positive results. However, in comparison with the need of socio-economic development, educational activities have not been highly effective. An investigation into the current contribution of education and training to the socio-economic development is practically significant and becomes a base for planning macroeconomic strategies, effectively exploiting the human resources for the industrialization, modernization, and the development of our country.

Key words: efficient education; education and economy; development.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay trong điều kiện khoa học, công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì nhiều quốc gia có chiến lược ưu tiên cho phát triển giáo dục và đào tạo. Tác động của giáo dục và đào tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội ngày càng mạnh mẽ. Nhận thức tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 2 (Khóa VIII) của Đảng đã xác định “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”.

Trong những năm đổi mới đất nước, thực

hiện chủ trương của Đảng, giáo dục nước ta có nhiều thành tựu. Quy mô mở rộng đã đáp ứng dần nhu cầu học tập của nhân dân. Công tác đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài được coi trọng nhằm đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế - xã hội. Tuy vậy nhìn nhìn tổng quan thì giáo dục ở nước ta còn có nhiều bất cập cần có định hướng giải quyết. Điều kiện đảm bảo cho giáo dục và đào tạo còn thấp, phương pháp giáo dục chậm đổi mới. Hệ quả là phần lớn nguồn lao động qua đào tạo chưa có khả năng thích ứng yêu cầu xã hội. Khả năng tự

lập nghiệp của sinh viên ra trường còn hạn chế. Một vấn đề quan trọng vừa có tính cấp thiết, vừa là nhiệm vụ lâu dài của giáo dục và đào tạo là làm sao hiệu quả giáo dục phải tương thích với phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay phát triển giáo dục hiệu quả chưa cao. Điều này thể hiện đóng góp của giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao cho phát triển kinh tế - xã hội. Bất cập giữa giáo dục và đào tạo với sử dụng lao động. Do có sự phân hóa giữa khu vực lao động truyền thống và khu vực lao động hiện đại mà nhiều lao động qua đào tạo khó tìm kiếm việc làm. Nhiều sinh viên ra trường làm việc trong các ngành nghề trái với ngành đã được đào tạo. Đây cũng chính là nguyên nhân làm cho sự đóng góp của giáo dục và đào tạo ở nước ta cho phát triển kinh tế - xã hội còn thấp.

2. Nội dung

2.1. Phát triển kinh tế và phát triển giáo dục, đào tạo

2.1.1. Phát triển kinh tế

Trong quá trình phát triển của xã hội đã có nhiều quan điểm khác nhau về phát triển kinh tế. Trước đây có quan điểm nhấn mạnh về tăng trưởng kinh tế và coi thu nhập là vấn đề quan trọng nhất. Từ những năm 80 của thế kỷ XX quan niệm về phát triển kinh tế được xem xét toàn diện hơn. Phát triển kinh tế thì phải đảm bảo các tiêu chí:

- Tăng trưởng kinh tế tức là sự gia tăng sản lượng GDP. Nhưng yêu cầu đặt ra tăng trưởng GDP phải nhanh hơn mức tăng dân số.

- Đảm bảo cơ cấu kinh tế phù hợp. Đây là yêu cầu chiến lược cho phát triển bền vững. Vì nó cho phép khai thác hiệu quả các tiềm năng và tăng trưởng đều cho các thời kỳ sau đó.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư gắn với công bằng và bình đẳng.

2.1.2. Phát triển giáo dục, đào tạo

Phát triển giáo dục, đào tạo có vai trò chủ đạo trong việc phát triển con người toàn diện, hình thành con người lao động có đạo đức, tri thức, sức khỏe và thẩm mỹ. Phát triển giáo dục, đào tạo phải

tạo điều kiện cho mọi người học tập và có cơ hội để góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và phải được xem xét về sự đóng góp của nó cho phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. “Việc quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo cũng cần cân nhắc đến những lĩnh vực nhân lực mang lại hiệu quả cao cho sự phát triển kinh tế. Việc đào tạo nhân lực cho từng ngành cần tập trung vào phát triển nhân lực trí tuệ cho ngành đó” [8, tr.58].

Nghiên cứu về phát triển giáo dục, đào tạo trên phương diện kinh tế học giáo dục cần xem xét điều kiện cung và cầu và các chỉ tiêu đánh giá phát triển giáo dục, đào tạo.

Cung về giáo dục, đào tạo là khả năng đáp ứng giáo dục, đào tạo của xã hội, từ đó tạo cơ hội việc làm cho cá nhân tham gia học tập. Cung về giáo dục, đào tạo thay đổi phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó cầu về giáo dục, đào tạo là yếu tố dẫn xuất. Nhìn chung tổng cầu về giáo dục, đào tạo của xã hội quy định cung về giáo dục, đào tạo.

Cầu về giáo dục, đào tạo là nhu cầu thực tế về giáo dục và đào tạo của xã hội trong một thời gian nhất định. Nó bao gồm toàn bộ cầu cá nhân và chịu quy định bởi nhiều yếu tố. Trong đó có các yếu tố cơ bản: chí phí của cá nhân cho giáo dục, đào tạo; khả năng tìm kiếm việc làm; mức chênh lệch về tiền lương, tiền công; chi phí cơ hội.

Phát triển giáo dục, đào tạo được xem xét một cách toàn diện, nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Để đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo cần đánh giá một cách tổng hợp các chỉ tiêu:

- Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi đi học và tỷ lệ người lớn biết chữ

- Số năm đi học bình quân

- Tỷ lệ chi tiêu ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo trong tổng chi ngân sách.

2.2. Vai trò của giáo dục, đào tạo đối với phát triển kinh tế

2.2.1. Giáo dục, đào tạo và tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng qui mô giá trị sản lượng của nền kinh tế trong một thời

gian nhất định. Gọi Y là mức cung của nền kinh tế được xác định là sự đóng góp bởi các yếu tố đầu vào sản xuất.

Ta có $Y = f(L, K, T, \dots)$. Trong đó L: lao động, K: vốn, T: công nghệ...

Các yếu tố trên đều đóng góp vào làm tăng trưởng kinh tế, trong đó lao động (L) là một yếu tố quan trọng. Chất lượng lao động được nâng cao nhờ vào giáo dục và đào tạo. Kết quả của giáo dục, đào tạo làm tăng chất lượng của lực lượng lao động, tạo khả năng đổi mới công nghệ, làm cho kinh tế phát triển. Để tính mặt bằng phát triển giáo dục người ta xác định chỉ số giáo dục EI (Education Index). (Theo nghĩa rộng bao hàm cả đào tạo. Ví dụ giáo dục đại học bao hàm đào tạo cả trình độ đại học và trình độ cao đẳng)

$$EI = \frac{a + 2b}{3}$$

Trong đó a tỷ lệ đi học trong độ tuổi 6 - 24, b tỷ lệ người lớn biết chữ [8, tr.158].

Nếu $EI \geq 0,9$: mức rất cao; $0,75 \leq EI < 0,9$: mức cao; $0,5 \leq EI < 0,75$: mức trung bình; $EI < 0,5$: mức thấp.

Để xác định sự đóng góp của giáo dục, đào tạo đối với tăng trưởng kinh tế người ta xác định độ tương thích GDPI/ EI. Trong đó GDPI là chỉ số thu nhập đầu người tính theo sức mua tương đương và theo giá so sánh của thế giới. Chỉ số GDPI/ EI phản ánh giáo dục là động lực đối với phát triển kinh tế.

2.2.2. Vai trò của giáo dục, đào tạo đối với phát triển nguồn nhân lực

Phát triển không chỉ là tăng trưởng kinh tế mà bao hàm cả lĩnh vực văn hóa, chất lượng cuộc sống. Phát triển xuất phát từ con người và hướng đến con người. Phát triển nguồn nhân lực xuất phát từ phát triển con người. Để đánh giá và xếp hạng trình độ phát triển của các quốc gia, người ta dùng khái niệm về chỉ số phát triển con người HDI (Human Development Index).

$$HDI = 1 - \frac{IA + IE + IW}{3}$$

Trong đó IA: Hệ số đánh giá tuổi thọ;

IE: Hệ số đánh giá kiến thức; IW Hệ số đánh giá thu nhập bình quân [6, tr.114].

Phát triển con người phải toàn diện từ trí lực cho đến thể chất tinh thần. Xã hội phát triển thì sự đóng góp của trí tuệ cho phát triển sản xuất càng cao so với các yếu tố khác trong cơ cấu giá trị sản phẩm. Giáo dục, đào tạo cần làm cho con người biết làm chủ mới có những đóng góp cho sự phát triển và tiến bộ xã hội. Nguyên tắc chung cho phát triển giáo dục, đào tạo là khuyến khích sáng tạo, hợp tác và hoạt động mang tính cộng đồng. Khai dậy và phát huy năng lực cá nhân.

Để xác định vai trò đóng góp của giáo dục, đào tạo đối với phát triển con người và nguồn nhân

lực ta tính tỷ số: $\frac{EI}{HDI}$

Nếu $\frac{EI}{HDI} \geq 1$ thì giáo dục đóng góp tốt vào HDI

Nếu $0,9 \leq \frac{EI}{HDI} < 1$ thì giáo dục đóng góp vào HDI đạt yêu cầu

Nếu $\frac{EI}{HDI} < 0,9$ thì giáo dục đóng góp vào HDI còn thấp

Từ mục 2.2.1 và 2.2.2 ta có thể suy luận: Nếu một nước có tỷ số EI/ HDI cao, nhưng tỷ số GDPI/ EI thấp thì chứng tỏ phúc lợi cho giáo dục, đào tạo của nước đó cao nhưng sự đóng góp của giáo dục, đào tạo cho phát triển kinh tế - xã hội còn thấp. Các chỉ số trên có thể dùng để tính toán cho so sánh giữa các vùng trong một nước để có giải pháp phát triển nguồn nhân lực có hiệu quả.

2.3. Thực trạng về đóng góp của giáo dục cho phát triển kinh tế ở nước ta

Ở nước ta để phát triển giáo dục, đào tạo trong cơ chế thị trường cần nghiên cứu đầy đủ cung cầu về giáo dục và phải có cơ cấu chi phí phù

hợp. Đồng thời có các chính sách ưu đãi để tạo điều kiện cho việc thực hiện các chỉ tiêu vĩ mô về giáo dục và đào tạo, nhằm phát triển kinh tế, đảm bảo cho sự công bằng và tiến bộ xã hội.

Trong quá trình đổi mới, giáo dục ở nước ta được quan tâm thích đáng và đạt nhiều thành tựu quan trọng. Giáo dục được nhận thức là quốc sách hàng đầu và chuyển từ giáo dục tinh hoa sang giáo dục đại chúng. Xã hội hóa giáo dục bước đầu phát huy được các tiềm năng trong xã hội. “Đến năm 2010 có 63/63 tỉnh, thành phố được công nhận đạt chuẩn giáo dục Trung học cơ sở...” [1, tr.10]. Chỉ số giáo dục của nước ta tăng thể hiện qua chỉ số phát triển con người từ mức 6,83 năm 2000 lên 0,733 năm 2008 xếp thứ 100/177 nước, thuộc nhóm trung bình cao; hoàn thành 6/8 nhóm mục tiêu Thiên niên kỷ do Liên hợp quốc đặt ra cho các nước đang phát triển đến năm 2015 [2, tr.154].

Quy mô giáo dục và đào tạo được mở rộng, nhiều loại hình đào tạo đa dạng, nhiều hình thức và trình độ khác nhau dần dần đáp ứng yêu cầu của xu thế xã hội học tập. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng, năm 2010 đạt 40% tổng số lao động làm việc.

Bên cạnh những kết quả đạt được, xét ở góc độ kinh tế học giáo dục thì giáo dục, đào tạo ở nước ta có những vấn đề bất cập. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trung bình cao, nhưng mức thu nhập GDP bình quân đầu người còn rất thấp, dưới mức trung bình của thế giới. Điều này chứng tỏ đầu tư cho giáo dục, đào tạo tương đối khá, nhưng sự đóng góp của giáo dục, đào tạo cho phát triển kinh tế còn thấp. Chất lượng, hiệu quả của giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu của kinh tế - xã hội. Giáo dục, đào tạo chưa đón đầu nhu cầu dài hạn. Vì vậy còn nhiều bất cập giữa đào tạo và sử dụng lao động. Thậm chí nhiều nguồn lao động được đào tạo nhưng sử dụng không hợp lý, làm việc trái ngành nghề... Công tác quản lý giáo dục còn nhiều bất cập thể hiện nhiều văn bản pháp lý không phù hợp nhưng chưa có văn bản mới được ban hành kịp thời trong khi thực tiễn đòi hỏi phải đổi mới. Nhiều hiện tượng tiêu cực trong giáo dục

(dạy thêm, bằng giả, bệnh thành tích...) chậm được giải quyết. Một mặt làm cho việc sử dụng nguồn nhân lực không hợp lý. Mặt khác gây nhiều bức xúc cho xã hội. Từ đó không có sự đồng tình cao trong nhận thức cũng như đầu tư cho giáo dục, đào tạo. Các điều kiện đảm bảo và đầu tư cho giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu. Giáo dục đại học chưa có các ngành mũi nhọn ngang tầm với giáo dục khu vực và thế giới. Hiện nay chưa có cơ chế tự đào tạo và đào tạo lại của các cơ sở kinh doanh. Vì vậy khi các cơ sở kinh tế mở rộng kinh doanh dài hạn hoặc hợp tác với nước ngoài sẽ có nhiều bất cập về cơ cấu lao động, đội ngũ quản lý...

2.4. Những giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục, đào tạo cho phát triển kinh tế

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và mối quan hệ giữa giáo dục, đào tạo với phát triển kinh tế, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đóng góp của giáo dục, đào tạo cho phát triển kinh tế.

2.4.1. Đổi mới tư duy về giáo dục và đào tạo

Đổi mới tư duy về giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả đóng góp của giáo dục và đào tạo cho phát triển kinh tế cần có sự thống nhất nhận thức các vấn đề sau:

- Đào tạo nguồn nhân lực cần bắt nguồn từ yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Do đó cần phải có nghiên cứu dự báo thị trường lao động để định hướng cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Có như vậy mới giải quyết được vấn đề bất cập giữa đào tạo và sử dụng lao động.

- Giáo dục toàn diện phải quan tâm cả dạy chữ và dạy người ở tất cả các bậc học. Vì vậy ngoài đổi mới nội dung và phương pháp dạy học cần phải nâng cao khả năng đánh giá toàn diện, xây dựng các tiêu chí đánh giá về đạo đức phẩm chất phù hợp, tránh hình thức hóa và tránh giáo dục coi trọng tri thức mà quan tâm không thấu đáo về phẩm chất chính trị, trách nhiệm công dân...

- Chất lượng giáo dục, đào tạo phải được đánh giá qua nhiều kênh, mà cơ bản là sự chấp nhận của xã hội. Vì vậy việc đánh giá (kiểm tra,

thi...) trong giáo dục và đào tạo phải đổi mới làm sao cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, được xã hội chấp nhận và từ đó tạo được uy tín, phát triển.

- Đào tạo và sử dụng lao động phải gắn với các cơ sở kinh tế. Vì vậy cần xây dựng cơ chế cho các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh về đào tạo và đào tạo lại.

2.4.2. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo

Công bằng xã hội là một tiêu chí của tiến bộ xã hội và được Đảng, nhà nước quan tâm chỉ đạo trong từng giai đoạn phát triển. Công bằng trong giáo dục vừa nói lên tính ưu việt của xã hội, vừa phát huy được khả năng sáng tạo của con người góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Để đảm bảo công bằng trong giáo dục cần quan tâm:

- Tạo điều kiện cho mọi người có cơ hội và phát huy khả năng học tập. Cần nghiên cứu điều kiện giữa các vùng để điều chỉnh chính sách, quy định phân bổ các nguồn lực cho phù hợp. Ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa không chỉ tạo điều kiện vật chất, mạng lưới trường lớp, mà cần chú trọng cả nội dung của giáo dục (tài liệu, phương tiện thông tin...) và đội ngũ giáo viên.

- Đổi mới phương thức đánh giá xếp loại công bằng (thực chất, khách quan và toàn diện).

- Công bằng trong tạo cơ hội việc làm (sử dụng lao động phù hợp và đúng ngành đào tạo).

- Thực hiện tốt các quy định trong giáo dục, đào tạo. Đặc biệt là các chính sách, chế độ cho đối tượng được ưu tiên.

2.4.3. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục và đào tạo

Chất lượng và hiệu quả của giáo dục và đào tạo có ý nghĩa quyết định trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội. Để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo cần giải quyết tốt các vấn đề:

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ giáo dục. Cần có sự rà soát và sắp xếp lại đội ngũ giáo viên đảm bảo đúng cơ cấu và chất lượng. Chế độ chính sách cho cán bộ giáo viên phải hướng đến chuyên môn đào tạo.

- Có kế hoạch kiểm tra, giám định định kỳ các điều kiện của giáo dục và đào tạo theo quy định. Tránh trường hợp khi mới thành lập các cơ sở giáo dục đảm bảo các quy định pháp lý. Nhưng sau một thời gian do mở rộng quy mô đào tạo mà các điều kiện không đảm bảo.

- Nghiên cứu về nội dung, chương trình, phương pháp và các quy định nhằm tạo sự thống nhất và phù hợp giữa giáo dục phổ thông và giáo dục đại học.

- Tăng cường công tác kiểm định chất lượng trong giáo dục. Nâng cao chất lượng đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo. Đổi mới hệ tiêu chí đánh giá cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Thực hiện dân chủ hóa trong giáo dục. Thường xuyên lấy ý kiến của người học để điều chỉnh nâng cao chất lượng giáo dục (giảng dạy, nhu cầu học tập, việc làm...).

- Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế của giáo dục và đào tạo ở các bậc học. Đánh giá giữa đầu tư (từ ngân sách và đóng góp xã hội) và kết quả, chất lượng đào tạo...

2.4.4. Tăng cường công tác quản lý về giáo dục và đào tạo

- Đổi mới và hoàn thiện thể chế quản lý về giáo dục phù hợp với yêu cầu mới của phát triển kinh tế và gắn giáo dục, đào tạo với thị trường lao động. Nghiên cứu xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp trong việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính và thường xuyên kiện toàn bộ máy quản lý, đội ngũ giáo viên nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong giáo dục (quản lý nhân sự, thời gian, bố trí công việc hợp lý và đào tạo...).

- Kiện toàn bộ máy thanh tra giáo dục có chuyên môn, nghiệp vụ về thanh tra và đảm bảo cơ chế phối hợp để thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp lý về giáo dục.

- Xây dựng cơ chế phối hợp quản lý giáo dục giữa cơ sở giáo dục, gia đình và các tổ chức chính trị - xã hội. Tránh coi việc quản lý giáo dục

chỉ là nhiệm vụ của cơ sở giáo dục. Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất và các nguồn tài lực, phù hợp với mục tiêu giáo dục và đào tạo.

2.4.5. *Đẩy mạnh xã hội hóa về giáo dục*

- Xã hội hóa giáo dục cần phải phát huy được sự phối, kết hợp của Nhà nước và nhân dân trong giáo dục. Trong thời gian tới cần có những quy định không chỉ về đóng góp cơ sở vật chất và các điều kiện cho giáo dục, đào tạo mà còn phải có tiêu chí quy định trách nhiệm phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Phát huy vai trò giáo dục của các tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng các mô hình giáo dục và cam kết giáo dục của các tổ chức phải có tổng kết, đánh giá và xem xét thi đua.

- Tăng cường quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. Ngoài việc chấp hành các quy định của ngành, cần phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong quản lý giáo dục và tạo điều kiện thuận lợi cho người học...

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong giáo dục, đào tạo. Doanh nghiệp

không chỉ là người sử dụng kết quả giáo dục đào tạo, mà cần phải có chiến lược đào tạo, phối hợp đào tạo nguồn nhân lực và đào tạo lại nguồn lao động đang sử dụng.

3. Kết luận

Phát triển giáo dục, đào tạo được đánh giá qua nhiều tiêu chí, trong đó chỉ số giáo dục và chỉ số phát triển con người là những tiêu chí cơ bản. Nhưng vấn đề đặt ra là làm sao phát triển giáo dục, đào tạo đóng góp một cách hiệu quả cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển giáo dục, đào tạo và phát triển kinh tế cho chúng ta thấy được những vấn đề bất cập trong giáo dục, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực qua đào tạo. Hiện nay ở nước ta đầu tư cho giáo dục được toàn xã hội quan tâm. Chỉ số giáo dục đạt khá. Nhưng đóng góp của yếu tố lao động qua đào tạo trong phát triển kinh tế chưa cao. Nền kinh tế phát triển theo chiều sâu chưa nhiều. Vì vậy đổi mới giáo dục, đào tạo là một chiến lược nhằm để phát triển bền vững và tạo tiền đề vững chắc hướng tới phát triển nền kinh tế tri thức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Tuyên Giáo Trung ương (2011), *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] PGS.TS. Đinh Xuân Lý (2011), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội trong 25 năm đổi mới (1986-2011)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học, Một số lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [5] PGS.TS. Trần Quang Lâm (2007), *Giáo trình kinh tế vĩ mô*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
- [6] Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (1997), *Kinh tế phát triển*, NXB Thông Kê, Hà Nội.
- [7] Vũ Đình Bách (1998), *Những vấn đề cơ bản của Kinh tế học vĩ mô*, NXB Thông Kê, Hà Nội.
- [8] GS.TSKH Vũ Ngọc Hải (2007), *Giáo dục Việt Nam, đổi mới và phát triển hiện đại hóa*, NXB Giáo dục, TP. HCM.